TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B V - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 23/04/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Huy**

Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân huyên B V, thành phố Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hạnh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 04 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985. Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Y N 3, phường L M, quận B T L, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Khu V Th, xã Đ L, huyện C Kh, tỉnh Ph Th. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ học vấn: 08/12. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm1954 (đã chết), con bà Trần Thị Th, sinh năm 1965. Chồng: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2010). Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2024 tại đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Phan Tuấn A, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn M Ph, xã Đ L, thị xã S T, TP. Hà Nội
(Anh Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn D L, xã Th A, huyện B V, thành phố Hà Nội.

(*Chị X vắng mặt tại phiên tòa*)

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn H X, xã L M, quận B T L, thành phố Hà Nội.

(*Bà M vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/9/2020, Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985, HKTT: Phường L Mc, quận B T L, thành phố Hà Nội thuê ngôi nhà của bà Mai Thị Bích H, sinh năm 1965, trú tại: Thôn N A, xã C Th, huyện B V, thành phố Hà Nội để làm nơi ở cùng với mẹ đẻ là: Bà Trần Thị Th. sinh năm 1965, Trú tại Xã Đ L, huyện C Kh, tỉnh Ph Th và 04 con nhỏ của T. Quá trình sinh sống tại địa chỉ trên T thuê chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1976, trú tại: Thôn D L, xã Th A, huyện B V, thành phố Hà Nội làm giúp việc cho gia đình T. Khi chị X đến làm việc thì T yêu cầu chị X cho T xem chứng M thư nhân dân của chị X, sau đó T đã dùng điện thoại di động Smart phone để chụp ảnh lại chứng M thư nhân dân của chị X.

Khoảng tháng 09 năm 2020, T có vay bà Phạm Thị M, Sinh năm 1965, HKTT: Phường L M, quận B T L, thành phố Hà Nội số tiền: 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) để tiêu dùng cá nhân. Việc vay nợ tiền của bà M hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không ký giấy vay nợ, không tính lãi, thời hạn trả nợ đến khi bà M có yêu cầu lấy lại tiền. Đến ngày 20/9/2020, bà M yêu cầu T phải trả lại số tiền 70.000.000đ nêu trên. Ngày 21/9/2020, do T chưa có tiền để trả cho bà M nên T đã nảy sinh ra ý định sẽ thuê một chiếc xe ô tô rồi mang đến cho bà M giữ làm tin để bà M cho lùi thời hạn trả nợ.

Khoảng 13 giờ 00 ngày 21/9/2020, T thuê anh Đặng Nhật L, sinh năm 1987, trú tại: Xã Đ L, thị xã S T, thành phố Hà Nội, là lái xe taxi) chở T từ thôn N A, xã C Th, huyện B V, thành phố Hà Nội đến Phường L M, quận B T L, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì anh L tiếp tục chở T từ BT L về xã C Th, huyện B V. Thực hiện ý định thuê xe ôtô rồi mang giao cho bà M xin khất nợ như nêu trên. Trong quá trình đi đường, T hỏi anh L biết ai có xe ô tô cho thuê tự lái không. Do biết anh Phan Tuấn A (sinh năm 1990, trú tại: Thôn M Ph, xã Đ L, thị xã S T, thành phố Hà Nội) là người có xe ô tô cho thuê nên anh L đã gọi điện thoại cho anh Tuấn Anh giới thiệu cho Tuấn Anh biết Nguyễn

Thị Hồng T muốn thuê xe ô tô tự lái của Tuấn Anh. Anh Tuấn Anh đồng ý cho T thuê xe ô tô của mình và hẹn gặp T và anh L ở phòng trọ của T để bàn giao xe.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Phan Tuấn Amột mình điều khiển chiếc xe ô tô Huyndai Getz, BKS: 30E-596.53 của mình đến ngôi nhà thuê trọ của T tại thôn N A, xã C Th, huyện B V. Tại đây, T tự giới thiệu mình tên là X với anh Tuấn A và hai bên thỏa thuận và thống nhất:
Giá cho thuê xe ô tô là 600.000 đồng/01 ngày, thời hạn thuê xe là 01 ngày. Việc thuê xe ô tô giữa T và anh Tuấn A chỉ thỏa thuận bằng miệng. Để làm tin, T đưa chiếc xe máy Honda Wave Anpha màu xanh, BKS:29V1 - 400.44 *(là xe máy của chị X)* để anh Tuấn A đi về. Sau khi anh Tuấn A yêu cầu T gửi ảnh chụp chứng M thư của T cho anh Tuấn A, thì T sử dụng tài khoản Zalo đăng nhập bằng số điện thoại "*0973352880*" gửi vào tài khoản Zalo của anh Tuấn A (*đăng nhập bằng số điện thoại 0972531881*) hình ảnh chụp 2 mặt của chứng M nhân dân số 111334996 mang tên Nguyễn Thị X. Do nghĩ T là người quen của anh Lh nên anh Tuấn A không kiểm tra lại, không nhận ra ảnh chụp trong chứng M thư không giống người mà anh Tuấn Anh giao xe ô tô.

Sau khi được nhận được xe ô tô, T tiếp tục thuê anh L lái chiếc xe ô tô của anh Tuấn A chở T đến Đền "H" thuộc Phường L M, quận B T L, thành phố Hà Nội để giao chiếc xe trên cho bà M. Khi đi đến ngã tư G, thị trấn Ph Th, huyện Ph Th, thành phố Hà Nội, T sợ bị phát hiện vị trí T giao xe cho bà M nên đã yêu cầu anh L lái xe đưa T quay lại thôn N A, xã C Th, huyện B V. Sau khi đưa T về đến nhà trọ tại thôn N A, xã C Th, huyện B V thì anh L ra về. Khi anh L rời khỏi phòng trọ, thông qua mạng xã hội Facebook T thuê được 01 người đàn ông làm công việc lái xe thuê *(không rõ nhân thân lai lịch)* giúp T điều khiển chiếc xe ô tô BKS:30E - 596.53 của anh Tuấn A chở T đến Đền "H" tại Phường L M, quận B T L, thành phố Hà Nội giao chiếc xe này cho bà M để xin giãn thời hạn trả nợ bà M. Việc giao xe ô tô nêu trên thì giữa bà M và T chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ, không có người nào khác chứng kiến.

Khoảng 09 giờ ngày 22/9/2020, Chị X nhiều lần yêu cầu T trả lại chiếc xe máy T mượn của chị X. T đã gọi điện thoại xin anh Tuấn A cho T lấy lại chiếc xe máy BKS:29V1- 400.44 về nhưng anh Tuấn A không đồng ý và yêu cầu T phải đưa cho anh Tuấn A giữ 01 chiếc xe máy khác để làm tin. Do đó, T đã mượn 01 xe máy Honda Wave màu đỏ đen (không nhớ rõ BKS) của bà H (chủ nhà trọ) sau đó mang đến nhà anh Tuấn A để xin đổi chiếc xe máy của chị X về. Cũng tại nhà của anh Tuấn A, T xin gia hạn thời hạn thuê xe ô tô của anh Tuấn A đến ngày 24/9/2020. Anh Tuấn A đồng ý cho T đổi xe và gia hạn thời gian thuê xe đến ngày 24/9/2020. Sau khi đổi được xe, T mang chiếc xe máy về trả lại cho chị X.

Ngày 24/9/2020, đến thời hạn phải trả xe ô tô nhưng T chưa có đủ tiền trả cho bà M để lấy xe ô tô trả lại cho anh Tuấn A. Do đó, đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, T thuê 01 xe ô tô taxi để đi đến nhà anh Tuấn A ở xã Đ L - Thị xã S T - Hà Nội. Tại đây, T đề nghị anh Tuấn A cho T gia hạn thời hạn thuê xe đến ngày 27/9/2020, T sẽ trả toàn bộ số tiền thuê xe ô tô từ ngày 21/9/2020 đến ngày 27/9/2020 là 4.200.000đ và chuyển thêm số tiền 4.300.000đ để anh Tuấn Anh giữ làm tin. T cũng xin anh Tuấn A trả lại chiếc xe máy của bà H mà anh Tuấn A đang giữ. Anh Tuấn A đồng ý với đề nghị của T. Sau đó, T sử dụng tài khoản ngân hàng số 19031140607022 của T tại ngân hàng TechCombank để chuyển cho anh Tuấn A số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì anh Tuấn Anh trả lại T chiếc xe máy mà anh Tuấn A đang giữ, T đã mang chiếc xe máy nêu trên trả lại cho bà Hạnh.

Ngày 28/9/2020, đã quá thời hạn phải trả xe cho anh Tuấn A, nhưng T vẫn nhắn tin qua Zalo xin anh Tuấn A cho gia hạn thuê xe thêm 03 ngày, anh Tuấn A đồng ý cho T gia hạn thuê xe. Sau đó, T lấy lý do đang cần gấp số tiền 1.500.000 đồng và hỏi vay của anh Tuấn A số tiền trên. Do ngày 24/9/2020, T đã ứng trước số tiền 8.500.000đ để trả tiền thuê xe ô tô. Sau khi trừ số tiền thuê xe ứng với 06 ngày (từ ngày 21/9/2020 đến 28/9/2020). Anh Tuấn A vẫn còn giữ của T số tiền 4.300.000đ. Do đó, anh T đồng ý chuyển 1.500.000đ cho T qua chuyển khoản ngân hàng từ tài khoản ngân hàng số "*0711000247025*" tại ngân hàng VietComBank của anh Tuấn A đến tài khoản ngân hàng số "*19031140607022*" tại ngân hàng TechCombank của T. Đến ngày 02/10/2020, khi số tiền T tạm ứng cho anh Tuấn A để thuê xe ô tô đã hết, T vẫn không trả lại xe ô tô cho anh Tuấn A mà chặn mọi liên lạc với anh Tuấn A đồng thời bỏ trốn.

Ngày 15/01/2021, anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1987, trú tại: Thôn HXá, xã L M, quận B T L, thành phố Hà Nội, là con trai của bà M sau khi biết sự việc bà M cho T vay tiền và bà M không còn liên lạc được với T nữa, anh H kiểm tra chiếc xe ô tô BKS: 30E-596.53, thấy trong xe có danh thiếp ghi số điện thoại "*0943.811.616*" của anh Tuấn A. Anh H đã gọi điện cho anh Tuấn A kể cho Tuấn Anh biết việc Nguyễn Thị Hồng T dùng chiếc xe ô tô trên giao cho bà M giữ làm tin để vay tiền, hiện chiếc xe ô tô trên đang được bà M trông giữ tại khu vực Đền "H". Anh H đề nghị anh Tuấn A xuống gặp bà M để thỏa thuận về việc trả chiếc xe ô tô lại cho anh Tuấn A. Ngày 16/01/2021, anh Tuấn A cùng anh Đặng Nhật L đi xuống gặp bà M tuy nhiên 2 bên chưa thống nhất được việc trả xe nên Tuấn A đã ra về.

Ngày 19/01/2020, anh Tuấn A tiếp tục thỏa thuận và thống nhất với bà M sẽ hỗ trợ bà M số tiền: 30.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền nêu trên, bà M đã trả chiếc xe ô tô BKS: 30E-596.53 cho anh Tuấn A. Đến ngày 20/01/2021, anh Tuấn A thông báo diễn biến sự việc trên cho Cơ quan CSĐT biết. Anh Tuấn A có

đơn xin giữ lại phương tiện để sử dụng. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không tiến hành thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên.

Ngày 16/02/2024, Cơ quan CSĐT tổ chức truy tìm và phát hiện T đang có mặt tại xã Đ L, huyện C Kh, tỉnh Ph Th và đã triệu tập đưa T về trụ sở Công an huyện B V để làm rõ vụ việc. Tại Cơ quan CSĐT, bị can Nguyễn Thị Hồng T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 132/2020/KL-ĐGTS, ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B V kết luận: *"01(một) xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: Getz, màu sơn xanh, số khung: 51GP9U935718, số máy: G4HJ9622940, BKS:30E-596.53, xe đăng ký lần đầu vào năm 2009: 160.000.000 đồng. Tổng trị giá là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)".*

*** Đối với các vật chứng gồm:**

- Các tài liệu được thu giữ và lưu trữ trong hồ sơ vụ án gồm: Ảnh chụp nội dung các tin nhắn Zalo giữa anh Tuấn A và T thể hiện T sử dụng chứng M thư nhân dân của chị X gửi cho anh Tuấn A để thuê chiếc xe ô tô BKS:30E-596.53 của anh Tuấn A cùng các nội dung xin gia hạn thời hạn thuê chiếc xe ô tô trên do anh Tuấn A tự nguyện giao nộp. Sao kê ngân hàng thể hiện giao dịch T chuyển khoản số tiền 8.500.000 cho anh Tuấn A để thuê chiếc xe ô tô BKS: 30E-596.53.

- Đối với chiếc xe ô tô BKS: 30E-596.53: xét thấy chiếc xe ô tô là phương tiện duy nhất để phục vụ việc kinh doanh của anh Tuấn Anh. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không tiến hành thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên.

*** Về dân sự:**

- Tại cơ quan điều tra - Công an Huyện B V anh Phan Tuấn A đã được gia đình bị cáo T bồi thường số tiền: 40.000.000đ. Anh Tuấn A không yêu cầu gì thêm về dân sự đối với bị cáo T.

- Đối với bà Phạm Thị M: Ngày 19/01/2021, bà M đã nhận số tiền 30.000.000đ từ anh Tuấn A đối với khoản vay của T để Tuấn A nhận lại chiếc xe ô tô Huynhdai Get, biển số: 30E-596.53 từ bà M trả. Ngày 21/02/2024, đại diện gia đình bị cáo T đã trả số tiền 40.000.000đ mà T còn nợ bà M cho bà M. Như vậy bà M đã nhận đủ 70.000.000 đồng mà bị cáo T đã vay. Tại CQĐT – Công an Huyện B V bà M không có bất cứ yêu cầu đề nghị khác về dân sự đối với T.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSBV ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội đã truy tố bị can Nguyễn Thị Hồng T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 2, Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện VKSND.Huyện B V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và

Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tại liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa ;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B V đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của các nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Do không có tiền để chi tiêu cho cá nhân và gia đình nên Nguyễn Thị Hồng T đã vay của bà Phạm Thị M số tiền 70.000.000, tuy nhiên đến thời hạn trả T đã không trả được tiền cho bà M nên T đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô mang giao cho bà M giữ để làm tin và để bà M không tiếp tục đòi nợ bị cáo T. Thực hiện ý định trên, Nguyễn Thị Hồng T đã dùng thủ đoạn gian dối và đưa ra các thông tin sai sự thật để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai BKS: 30E-596.53 (*có trị giá 160.000.000đ)* của anh Phan Tuấn A. Sau khi thuê được xe ô tô của anh Tuấn A, T đã mang chiếc xe ô tô giao cho bà Phạm Thị M để đảm bảo cho khoản vay của mình và không trả lại xe cho anh Tuấn A rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174

BLHS. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội danh và điều luật trên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo T thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo T mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và có tác dụng phòng ngừa tội phạm đối với người khác. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử phải xem xét đánh giá nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức án đúng và phù hợp với tính chất cũng như mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, trả cho anh Phan Tuấn Anh số tiền: 30.000.000đ, trả nợ cho bà Phạm Thị M số tiền: 40.000.000đ. Bị hại anh Phan Tuấn A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã ly hôn chồng, một mình bị cáo đang phải nuôi 04 con nhỏ, bản thân bị cáo đã bị tạm giam thời gian hơn 02 tháng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị cơ quan pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Vì vậy không cần phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội sau này, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của nhà nước. Do vậy tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T tại phiên tòa hôm nay nếu như bị cáo T không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

Tại khoản 5, Điều 174 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt bổ sung từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng; Tuy nhiên xét thấy tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bị cáo T không có công ăn việc và thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo T đã ly hôn chồng năm 2010, một mình nuôi 04 con nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Đối với hành vi của bà Phạm Thị M nhận giữ chiếc xe ô tô BKS: 30E-569.53 của anh Phan Tuấn Anh từ Nguyễn Thị Hồng T để đảm bảo cho khoản nợ bị cáo T vay của bà M, số tiền: 40.000.000đ. Qúa trình điều tra xác định bà M không biết chiếc xe ô tô trên là xe ô tô T do T lừa đảo của anh Tuấn A. Vì vậy, hành vi của bà M không có dấu hiệu của tội "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại Điều 323 BLHS. Tuy nhiên, hành vi của bà Phạm Thị M đã vi phạm điểm i và điểm l, khoản 3, Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP: *"...Phạt tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ đối với một trong những hành vi sau đây...i. Nhận cầm cố tài sản nhưng không lập hợp đồng cầm cố theo quy định của pháp luật; l. Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ tài sản cho người mang tài sản sản đi cầm cố..."*. Do đến nay, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên Công an huyện B V không tiến hành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của bà Phạm Thị M là có căn cứ.

[3] Về dân sự: Bị hại anh Phan Tuấn Anh đã nhận số tiền gia đình bị cáo T bồi thường tại cơ quan điều tra là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Sau khi nhận tiền bồi thường của gia đình bị cáo T anh Tuấn A đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Nay anh Phan Tuấn A không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự đối với bị cáo T. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bà Phạm Thị M đã được gia đình bị cáo T trả nợ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tại cơ quan điều tra, bà M không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chị Nguyễn Thị X đã được bị cáo T trả lại chiếc xe máy Honda Wave an pha, biển số: BKS: 29V1- 400.44. Tại cơ quan điều tra chị X không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự đối với bị cáo T nên hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Xử : Tuyên bố : Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2/ Áp dụng: Điểm c, khoản 2, Điều 174 ; điểm b, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

3/ Xử phạt: Nguyễn Thị Hồng T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về UBND xã Đ L, huyện C Kh, tỉnh Ph Th để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4/ Áp dụng: Khoản 4, điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T tại phiên toà nếu bị cáo Nguyễn Thị Hồng T không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

5/Án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015**;** khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phan Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Bà Phạm Thị M, chị Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo về phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cácđiều 6,điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TANDTP. Hà Nội;*
- *VKSND huyện B V;*
- *Công an huyện B V;*
- *THADS B V;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thưởng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**